TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/DS-ST
Ngày 02 tháng 3 năm 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Ông Đặng Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Lê Hạnh Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST-DS ngày 28/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2026/QĐXXST-DS ngày 15/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2026/QĐST-DS ngày 04/02/2016 giữa các đương sự: giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1973; Số căn cước công dân: 048173001623; Địa chỉ: B đường H, phường S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Võ Thị Minh L**, sinh năm 1962; Địa chỉ: C đường B, phường L, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền công chứng số 005834/2025/CCGD ngày 08/11/2025 tại Văn phòng C). *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Trúc M**, sinh năm 1967; Địa chỉ: 2 đường Ô, phường H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: 2 đường Ô, phường H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.
- Bà **Trương Thục K**, sinh năm 1993; Địa chỉ: H đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 09/6/2022, bà Võ Thị Trúc M có vay bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn D (con trai bà M) và hẹn 30 ngày sau sẽ hoàn trả tiền lại cho bà T, hai bên thống nhất tiền lãi là 2%/tháng. Sau đó bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M cứ hứa hẹn. Vào ngày 18/8/2022, bà Võ Thị Trúc M tiếp tục vay tiền của bà T 143.250.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản của bà Trương Thục K (con dâu bà M) và hẹn 30 ngày sau sẽ hoàn trả tiền lại cho bà T, hai bên thống nhất tiền lãi là 2%/tháng. Việc vay tiền giữa bà T và bà M không có viết giấy nợ, bà T đã nhiều lần đòi bà M bằng điện thoại nhưng không có chứng cứ thể hiện, nhưng ngày 03/10/2022 bà T có nhắn tin yêu cầu bà M trả nợ nhưng đến nay bà M vẫn không thực hiện trả. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả nợ gốc là 393.250.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 với mức lãi suất 10%/năm là 134.360.417 đồng, tổng cộng số tiền phải trả là 527.610.417đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Võ Thị Trúc M, ông Nguyễn Văn D, bà Trương Thục K để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại các vụ án khác thể hiện lời khai của bà Võ Thị Trúc M như sau: Giữa bà Võ Thị Trúc M và bà Nguyễn Thị Thanh T có mối quan hệ quen biết làm ăn. Vào ngày 09/6/2022 bà M có mượn tiền bà T 250.000.000 đồng và nhờ bà T chuyển khoản vào tài khoản của con trai bà M là ông Nguyễn Văn D, sau đó ông D rút tiền mặt và giao lại cho bà M. Do đó ông Nguyễn Văn D không có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà T. Đối với số tiền 250.000.000 đồng bà M đã trả cho bà T bằng tiền mặt nhưng không nhớ rõ thời gian trả và không có ai làm chứng cho bà M về việc trả tiền này. Đối với số tiền 143.250.000 đồng bà M thừa nhận có mượn của bà T và nhờ chuyển vào tài khoản của con dâu bà M là bà Trương Thục K và bà M cũng xác định đã trả số tiền này cho bà T. Do đó bà Trương Thục K không có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà T.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn; buộc bà Võ Thị Trúc M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 527.610.417đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 393.250.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 là 134.360.417 đồng với mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn bà Võ Thị Trúc M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Do có mối quan hệ quen biết từ năm 2007 đến nay và cần tiền làm ăn nên bà Võ Thị Trúc M đã vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh T. Cụ thể ngày 09/6/2022, bà Võ Thị Trúc M có vay bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn D (con trai bà M); ngày 18/8/2022, bà Võ Thị Trúc M tiếp tục vay tiền của bà T 143.250.000đ (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản của bà Trương Thục K (con dâu bà M). Các bên không viết Giấy vay tiền nhưng có tin nhắn thể hiện việc vay tiền. Từ ngày 03/10/2022, bà T đã yêu cầu bà M trả lại tiền đã mượn nhưng bà M không thực hiện trả nên bà T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả số tiền còn nợ là 527.610.417đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng); trong đó nợ gốc 393.250.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 với mức lãi suất 10%/năm là 134.360.417 đồng.

Bà M xác nhận có mượn 02 khoản tiền bà T khởi kiện, tuy nhiên bà M đã thực hiện trả nhưng không nhớ rõ trả vào thời gian nào và không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Việc vay nợ là của bà M nên ông D và bà K không có nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Mặc dù việc vay mượn giữa bà Võ Thị Trúc M và bà Nguyễn Thị Thanh T không thể hiện bằng văn bản nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án 01 bản sao kê tài khoản tháng 8, 9 năm 2022; tài liệu tin nhắn về việc mượn tiền giữa bà T và bà M thể hiện bà M có mượn tiền bà T để làm ăn. Bà Võ Thị Trúc M cũng thừa nhận có mượn tiền của bà T và đã thanh toán xong nhưng không xác định trả vào thời điểm nào và không có chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Từ

khi mượn tiền đến nay bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bà M các văn bản tố tụng nhưng bà M vẫn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải tại Tòa án. HĐXX nhận định bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà T theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T cần được chấp nhận. Như vậy có đủ căn cứ để buộc bà Võ Thị Trúc M phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ gốc 393.250.000đ (Ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Theo bà T khai quá trình vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn vay 30 ngày và lãi suất 2%/tháng nhưng không có văn bản thể hiện, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng chỉ thể hiện tin nhắn từ ngày 03/10/2022 và từ ngày 03/10/2022 đến nay bà M vẫn chưa thanh toán tiền lãi bà T nên bà T tính lãi từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 với lãi suất 10%/năm với số tiền 134.360.417 đồng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy cần buộc bà Võ Thị Trúc M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 527.610.417đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng); trong đó nợ gốc 393.250.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 với mức lãi suất 10%/năm là 134.360.417 đồng.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thục K chỉ là người cho bà Võ Thị Trúc M mượn tài khoản để nhận tiền từ bà Nguyễn Thị Thanh T nên ông D và bà K không liên quan gì đến 02 khoản nợ này và không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – bà Võ Thị Trúc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 527.610.417đ là: 20.000.000 + ((527.610.417đ – 400.000.000đ) x 4%) ~ 25.104.417đ (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm mười bảy đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 179, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2025;

Căn cứ các Điều 349, 350, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Võ Thị Trúc M.

2. Buộc bà Võ Thị Trúc M phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 527.610.417đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn bốn trăm mười bảy đồng); trong đó nợ gốc 393.250.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 03/10/2022 đến ngày 02/3/2026 với mức lãi suất 10%/năm là 134.360.417 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí Dân sự sơ thẩm: 25.104.417đ (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm mười bảy đồng), bà Võ Thị Trúc M phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 12.367.415đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu số 0004547 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà